

TĂNG CƯỜNG ĐỘNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO GIẢNG VIÊN TRẺ: NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Trần Thị Kim Nhung*, Bùi Thị Hồng Việt**, Trịnh Mai Vân***

Ngày nhận: 21/7/2015

Ngày nhận bản sửa: 7/9/2015

Ngày duyệt đăng: 25/9/2015

Tóm tắt:

Nghiên cứu khoa học có tầm quan trọng đặc biệt trong giáo dục đại học vì không những góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo ra những tri thức mới. Bài viết đã đưa ra các tiêu chí đo lường động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ, đồng thời trên cơ sở học thuyết hai nhóm yếu tố của Herzberg đánh giá được những công cụ tạo động lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân trong giai đoạn 2011-2013. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Từ khóa: Động lực, nghiên cứu khoa học, giảng viên trẻ.

Enhancing motivation for doing research among young lecturers at the National Economics University

Abstract

Doing research has a particularly important role in the higher education because it not only contributes to improving the quality of education but also to creating new knowledge. This paper identified the criteria measuring research motivation of young lecturers. Also, based on the two factors theory of Herzberg, the paper evaluated the instruments to create research motivation for young lecturers at the National Economics University in the period of 2011 – 2013. Based on the research findings, this article provides some suggestions to enhance the young lecturers' research motivation at the National Economics University.

Key words: research motivation, young lecturers.

1. Đặt vấn đề

Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân lần thứ 26 (nhiệm kỳ 2010- 2015) đã xác định được tầm nhìn đến năm 2020 “*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân trở thành đại học định hướng nghiên cứu, có chất lượng cao về đào tạo và nghiên cứu khoa học*”. Thực tế, tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân hầu hết giảng viên tâm huyết, yêu nghề, say sưa làm việc nhưng vẫn còn những giảng viên chưa thực sự nỗ lực trong thực hiện các nhiệm vụ, trong đó có hoạt động nghiên cứu khoa học. Giai đoạn từ 2011 – 2013 đã có 1.490 bài báo khoa học được công bố, trong đó 265 bài báo đăng trên các

tạp chí khoa học quốc tế chỉ chiếm 17,79% tổng số các bài báo. Tổng kết báo cáo thi đua của các đơn vị và cá nhân của Trường giai đoạn 2011–2013 cho thấy số giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chiếm khoảng hơn 20%, trong đó, số giảng viên trẻ chiếm đến gần 60%, thậm chí nhiều giảng viên không có bài báo nào hoặc không tham gia bất kỳ hoạt động nghiên cứu khoa học nào. Tất cả những điều này cho thấy cần phải có nghiên cứu nhiều mặt về sự nhiệt huyết, tinh thần trách nhiệm của giảng viên, đặc biệt là đội ngũ giảng viên trẻ nhà trường đối với nghiên cứu khoa học và một trong những vấn đề đó là tạo động lực nghiên cứu

khoa học cho giảng viên trẻ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Cơ sở lý luận về tạo động lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ

2.1. Động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ

- Giảng viên trẻ, theo định nghĩa của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), là những giảng viên “không quá 35 tuổi (tính tròn theo năm dương lịch)”.

- Nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ: Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ được sử dụng trong nghiên cứu này với ý nghĩa chỉ các hoạt động mà giảng viên trẻ phải thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được quy định. Hoạt động nghiên cứu trong chức trách của giảng viên bao gồm tất cả các hoạt động phát hiện hoặc tích hợp các kiến thức giúp họ có hiểu biết sâu hơn, rộng hơn về chuyên ngành đang giảng dạy hoặc tìm ra những kiến thức tổng hợp, kích thích nhu cầu nghiên cứu sâu hơn về những vấn đề liên quan.

- Các sản phẩm của hoạt động nghiên cứu khoa học: Các sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên có thể kể đến như bài báo đăng tải trên tạp chí trong nước và quốc tế; bài đăng hội thảo, kỷ yếu trong và ngoài nước; đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đã thực hiện; giáo trình, sách tham khảo, tài liệu hướng dẫn học tập,... đã biên soạn; chương trình môn học được hội đồng khoa học thông qua; biên dịch tài liệu nước ngoài; công trình hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải.

- Động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ: Thuật ngữ “động lực” được sử dụng rộng rãi trong đời sống kinh tế - xã hội, chẳng hạn như: động lực phát triển, động lực học tập, động lực làm việc, động lực lao động... Tuy vậy, xung quanh khái niệm động lực còn có nhiều quan niệm và nhận thức khác nhau. Dưới góc độ quản trị học, nhiều tác giả quan niệm động lực là những yếu tố có tác dụng thúc đẩy, khuyến khích, động viên con người nỗ lực lao động, làm việc nhằm hướng tới mục tiêu cá nhân và mục tiêu của tổ chức. Vũ Thị Uyên (2007, 18), cho rằng “động lực là sự khao khát và tự nguyện của mỗi cá nhân nhằm phát huy mọi nỗ lực để hướng bản thân đạt được mục tiêu của cá nhân và tổ chức”. Nguyễn Đình Lý (2010, 23) nêu rõ “động lực của con người là sự tác động tổng hợp các yếu tố (vật chất và tinh thần) có tác dụng thúc đẩy, kích thích sự hăng say,

nỗ lực hoạt động, làm việc của mỗi người nhằm đạt được mục tiêu cá nhân và mục tiêu của tổ chức”.

Tuy còn có nhiều quan niệm khác nhau về động lực, song dưới góc độ của khoa học quản lý, đa số tác giả đều thống nhất ở chỗ: động lực là những gì thúc đẩy con người nỗ lực hoạt động, làm việc để đạt được mục tiêu nhất định. Biểu hiện của động lực là sự hăng say, nỗ lực của mỗi cá nhân trong quá trình thực hiện công việc. Trên cơ sở kế thừa và phát triển các quan niệm đã có, nhóm tác giả đưa ra quan niệm riêng về động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ như sau: động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ là sự khao khát tự nguyện từ bên trong người giảng viên trẻ được thúc đẩy bởi tổng hợp của tất cả các yếu tố (vật chất và tinh thần) nhằm phát huy tối đa nỗ lực của bản thân nhằm đạt được mục tiêu của cá nhân và nhà trường đối với hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Các tiêu chí đánh giá động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ: Để đánh giá động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ phải đo lường được mức độ tự giác, nỗ lực, nhiệt tình tham gia nghiên cứu khoa học. Song mức độ tự giác, nỗ lực và nhiệt tình tham gia nghiên cứu khoa học tương đối khó lượng hóa. Một cách gián tiếp để đo lường đánh giá động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ chính là dựa trên những kết quả nghiên cứu khoa học đã đạt được. Tuy nhiên, cần lưu ý, giảng viên trẻ có động lực mạnh chưa chắc có kết quả nghiên cứu khoa học tốt vì kết quả nghiên cứu khoa học ngoài động lực còn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như năng lực của bản thân giảng viên trẻ, công tác tổ chức nghiên cứu,... Nhưng động lực yếu thì chắc chắn không thể có kết quả nghiên cứu khoa học tốt được. Như vậy, động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ sẽ được phản ánh gián tiếp thông qua kết quả nghiên cứu khoa học đạt được của giảng viên trẻ, cụ thể là: tỷ lệ giảng viên trẻ tham gia nghiên cứu khoa học/tổng số giảng viên trẻ, số công trình nghiên cứu khoa học được nghiệm thu, mức độ hoàn thành tiến độ nghiên cứu khoa học theo kế hoạch đăng ký, số giờ nghiên cứu khoa học (qui đổi) thực hiện/năm.

2.2. Công cụ tạo động lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ

Đã có một số công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học ở cả trong và ngoài nước như: Chen (2006) nghiên cứu những yếu tố từ môi trường bên ngoài

và từ bên trong cá nhân trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu của Nguyễn Thùy Trang (2011) bàn về các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả của nghiên cứu khoa học. Trong nghiên cứu này nhóm tác giả vận dụng mô hình 2 nhóm yếu tố của Herzberg vào tạo động lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ. Có thể khái quát các công cụ tạo động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ thành hai nhóm: nhóm các công cụ tạo động lực theo các yếu tố duy trì gồm các yếu tố thù lao nhận được từ hoạt động nghiên cứu khoa học; điều kiện làm việc, chính sách và quy định; mối quan hệ giữa những cá nhân và nhóm các công cụ tạo động lực theo các yếu tố thúc đẩy gồm các yếu tố sự thành đạt; sự ghi nhận, tôn vinh, khen thưởng; bản thân công việc; trách nhiệm; cơ hội nâng cao học hàm học vị; cơ hội đào tạo phát triển.

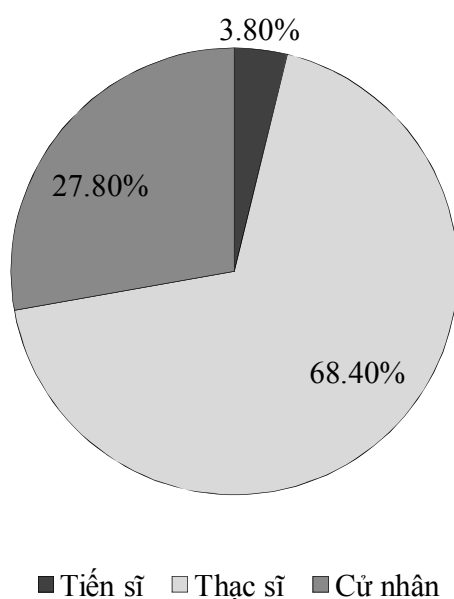
3. Thực trạng động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ Trường Đại học Kinh tế quốc dân

3.1. Thực trạng đội ngũ giảng viên trẻ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Cơ cấu giảng viên trẻ theo giới tính: Tính đến tháng 5 năm 2013 tổng số giảng viên trẻ của trường là 340 người, trong đó nữ là 209 người chiếm 61,47%, nam là 131 người chiếm 38,53%.

- Cơ cấu giảng viên trẻ theo học vị: Lực lượng giảng viên trẻ của Đại học Kinh tế Quốc dân chủ

Hình 1: Cơ cấu giảng viên trẻ theo học hàm, học vị của trường Đại học Kinh tế Quốc dân tính đến tháng 5 năm 2013



Nguồn: Tổng hợp từ Danh sách giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

yếu có học vị thạc sĩ, tính đến tháng 5 năm 2013 là 234 người (chiếm 55,06% số thạc sĩ toàn trường và chiếm 68,4% trong tổng số giảng viên trẻ), chỉ có 13 người có học vị tiến sĩ (chiếm 4,62% số tiến sĩ toàn trường và chiếm 3,8% trong tổng số giảng viên trẻ), còn lại là cử nhân với 95 người (chiếm 87,96% số cử nhân toàn trường và chiếm 27,8% trong tổng số giảng viên trẻ). Không có giảng viên trẻ nào là giáo sư hay phó giáo sư. Số liệu đó cũng cho thấy các giải pháp cần thiết để động viên giảng viên trẻ có học vị thạc sĩ tập trung làm nghiên cứu sinh, từ đó tích lũy kinh nghiệm cho nghiên cứu khoa học, viết sách, báo, giáo trình... tích lũy công trình nhằm nâng cao trình độ và hội đủ điều kiện để được nâng cao học hàm, học vị.

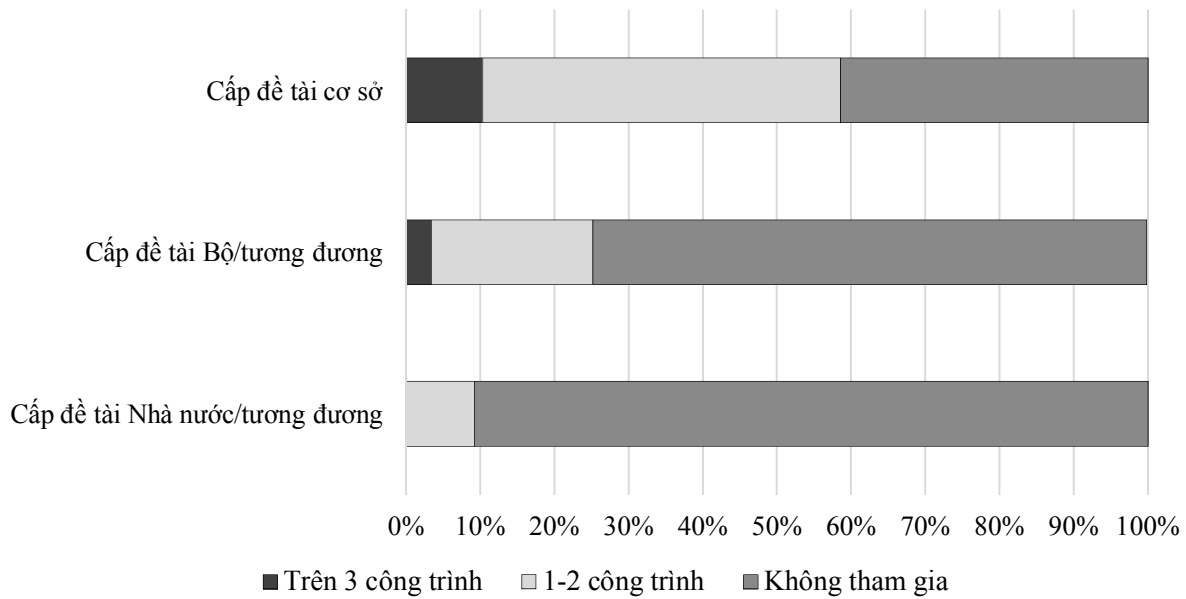
3.2. Thực trạng động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Để phân tích thực trạng động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ trường Đại học Kinh tế quốc dân, nhóm tác giả thu thập dữ liệu thứ cấp dựa vào các tài liệu thống kê của các đơn vị chức năng và thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua điều tra khảo sát các giảng viên trẻ. Thời gian tiến hành khảo sát từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2014. Đối tượng gửi bảng hỏi là giảng viên trẻ cơ hữu của trường Đại học Kinh tế Quốc dân, cách chọn mẫu ngẫu nhiên. Số phiếu phát ra là 106, số phiếu thu về và hợp lệ là 87 phiếu. Cơ cấu mẫu trả lời bảng hỏi khá đa dạng và thông tin thu được phản ánh khá toàn diện, đa chiều. Các giảng viên trẻ trả lời bảng hỏi thuộc các bộ môn, các khoa của trường. Tỷ lệ nữ chiếm 62,07% trong khi nam là 37,93%. Theo học vị có 20 người trả lời có trình độ cử nhân chiếm 22,99%; 61 người là thạc sĩ chiếm 70,11% và 6 người trả lời có trình độ tiến sĩ chiếm 6,9%. Thâm niên công tác của các giảng viên trẻ tại trường cũng được trải dài từ dưới 5 năm đến trên 10 năm trong nghề, trong đó dưới 5 năm chiếm 37,93%; từ 5 đến dưới 10 năm chiếm 47,13%; số còn lại có thâm niên công tác từ 10 năm trở lên chiếm 14,94%.

- Tỷ lệ giảng viên trẻ tham gia nghiên cứu khoa học/tổng số giảng viên trẻ

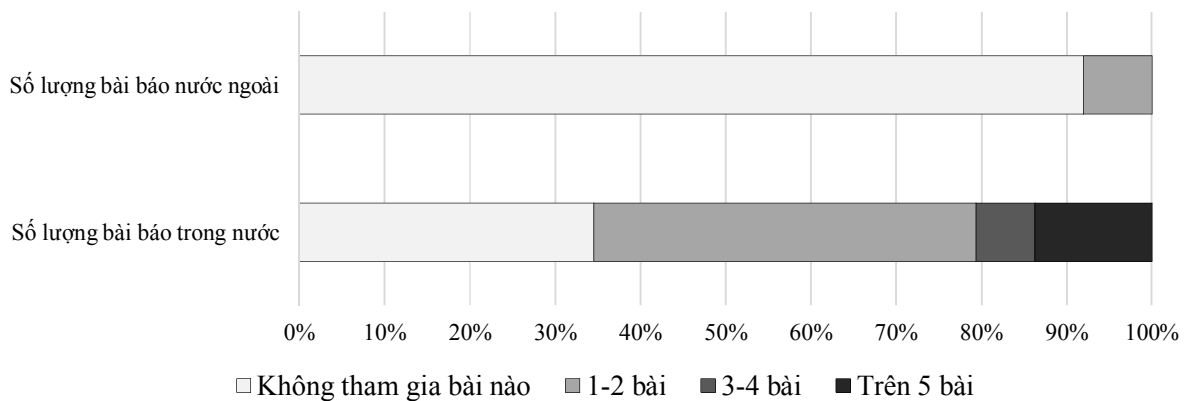
Tỷ lệ giảng viên trẻ tham gia đề tài các cấp còn thấp. Kết quả cho thấy có 58,6% giảng viên trẻ tham gia nghiên cứu đề tài cấp Trường; chỉ có 25,3% giảng viên trẻ tham gia vào các đề tài cấp Bộ và tương đương và 9,2% đối với đề tài cấp Nhà nước, tỷ lệ này còn khá thấp so với số lượng giảng viên trẻ có học vị thạc sĩ, tiến sĩ của Trường. Điều này phản

Hình 2: Tỷ lệ giảng viên trẻ tham gia đề tài các cấp



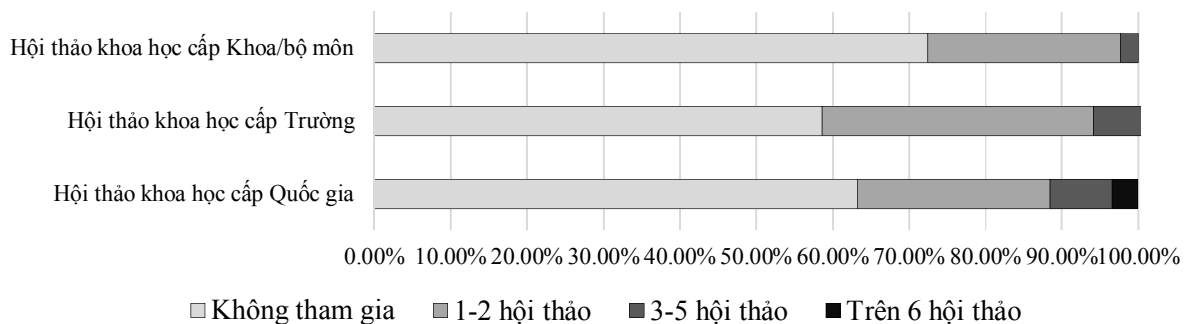
Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Hình 3: Tỷ lệ giảng viên trẻ tham gia viết báo khoa học



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Hình 4: Tỷ lệ giảng viên trẻ tham gia hội thảo khoa học



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

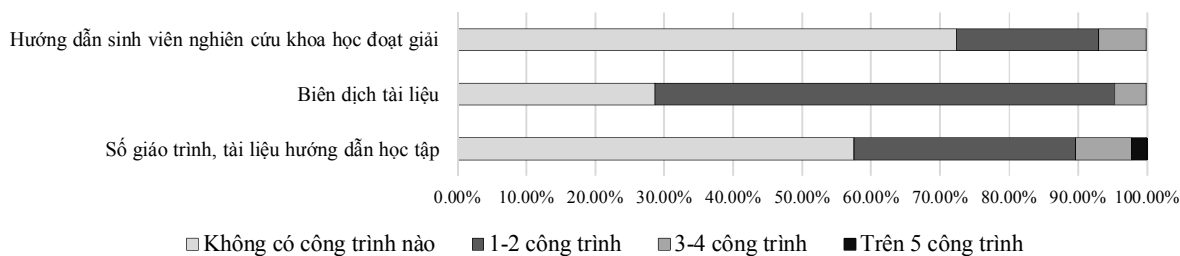
ánh dấu hiệu trong tương lai sẽ có sự hụt hẫng các chuyên gia đầu ngành nếu như trường không có chiến lược bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ thành chuyên gia đầu ngành kế cận.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong 3 năm 2011-2013, vẫn có đến 34,5% giảng viên trẻ không có

một bài báo khoa học nào trong nước và chỉ có 8% giảng viên trẻ có bài trên tạp chí quốc tế.

Trong 3 năm từ 2011-2013, tỷ lệ giảng viên trẻ không tham gia hội thảo khoa học các cấp còn khá lớn, chiếm tỷ lệ 72,4% hội thảo cấp Khoa/Bộ môn, 58,8% hội thảo cấp Trường và 63,2% hội thảo cấp quốc gia.

Hình 5: Tỷ lệ giảng viên trẻ tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học khác



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Tỷ lệ giảng viên trẻ tham gia biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu hướng dẫn học tập chưa cao. Kết quả cho thấy có 42,5% giảng viên trẻ tham gia chủ yếu với vai trò thành viên. Với hoạt động hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học thì chỉ có 27,5% giảng viên trẻ tham gia. Riêng đối với hoạt động biên dịch tài liệu thì giảng viên trẻ thực hiện khá tốt có đến 71,2% giảng viên trẻ tham gia biên dịch tài liệu.

- *Số công trình nghiên cứu khoa học được nghiệm thu*: Trong giai đoạn 2011-2013, đã có 10 đề tài cấp Nhà nước trong đó chỉ có 13 lượt giảng viên trẻ tham gia và không giảng viên trẻ nào là chủ nhiệm, 89 đề tài cấp Bộ và cấp Bộ trọng điểm trong đó có 4 đề tài chủ nhiệm là các giảng viên trẻ chiếm 4,49% và 94 lượt giảng viên trẻ tham gia, 159 đề tài cấp Trường được thực hiện trong đó có 33 đề tài do giảng viên trẻ chủ nhiệm chiếm 20,75%. Đồng thời dưới sự hướng dẫn của các giảng viên đã có 168 giải thưởng cấp trường dành cho nghiên cứu khoa học của sinh viên trong đó có 40 giải do các giảng viên trẻ hướng dẫn chiếm 23,81%.

Trong giai đoạn 2011-2013 Trường đã xuất bản và tái bản có sửa chữa, bổ sung được 187 cuốn giáo trình trong đó có 5 cuốn (chiếm 2,67%) chủ biên là các giảng viên trẻ và 265 cuốn sách tham khảo, chuyên khảo, tài liệu hướng dẫn học tập trong đó 60 cuốn (chiếm 22,64%) chủ biên là giảng viên trẻ.

Cũng trong giai đoạn này, trường còn công bố được 265 bài báo/bài viết đăng trên tạp chí quốc tế và kỷ yếu hội thảo quốc tế, 1.490 bài báo/bài viết đăng trên tạp chí trong nước và kỷ yếu hội thảo các cấp (quốc gia, trường, khoa) trong đó có 385 bài tác giả là các giảng viên trẻ chiếm 25,84%.

- *Mức độ hoàn thành tiến độ nghiên cứu khoa học theo kế hoạch đăng ký*: Có 6,9% số giảng viên trẻ được hỏi trả lời rất thường xuyên lập kế hoạch cho các hoạt động nghiên cứu khoa học; 34,5% trả lời thường xuyên; 31,0% trả lời bình thường; 23,0% trả lời không thường xuyên và 4,6% trả lời rất không thường xuyên. Chính vì không có kế hoạch cụ thể cho các hoạt động nghiên cứu khoa học nên một số không nhỏ giảng viên trẻ (32,2%) bị chậm tiến độ theo kế hoạch đã đăng ký hoặc theo yêu cầu.

- *Số giờ (qui đổi) nghiên cứu khoa học thực hiện/năm*: Do đặc thù của từng bộ môn và năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên các bộ môn, các khoa cũng không đều nhau. Trung bình trong giai đoạn 2011-2013, số giảng viên trẻ không hoàn thành định mức giờ nghiên cứu khoa học lên đến gần 60% tổng số giảng viên trẻ toàn trường.

3.3. Thực trạng các công cụ tạo động lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ trường Đại học Kinh tế Quốc dân

3.3.1. Thực trạng công cụ tạo động lực theo

Bảng 1: Giảng viên trẻ trường Đại học Kinh tế Quốc dân không hoàn thành giờ nghiên cứu khoa học định mức

Giảng viên trẻ không hoàn thành					
Giảng viên trẻ (người)			Giảng viên trẻ (%)		
2011	2012	2013	2011	2012	2013
63	90	77	50,4	54,22	63,63

Nguồn: Tổng hợp từ Bộ dữ liệu "Kê khai giờ nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân" năm 2011, 2012, 2013 của Phòng Quản lý khoa học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

nhóm yếu tố duy trì

Thù lao nhận được từ hoạt động nghiên cứu khoa học: Kinh phí cho sự nghiệp khoa học hàng năm của Trường đều tăng, nếu năm 2010 kinh phí sự nghiệp khoa học là 11.543 triệu VND thì đến năm 2013 con số này đã lên 13.304 triệu VND. Tuy kinh phí dành cho hoạt động khoa học công nghệ hàng năm đều tăng nhưng với lượng kinh phí sự nghiệp khoa học như trên thì tính bình quân cho một cán bộ giảng viên là rất hạn chế. Theo kết quả khảo sát thì có 6,9% ý kiến rất không hài lòng với thù lao nhận được từ nghiên cứu khoa học; 23% ý kiến không hài lòng; 54% ý kiến thấy bình thường và 16,1% hài lòng. Mặt khác cũng do kinh phí ít nên việc đầu tư công sức, đầu tư chất xám cho việc nghiên cứu đề tài cũng chỉ ở mức độ hạn chế, chỉ làm nghiên cứu khoa học để hoàn thành nhiệm vụ còn thời gian và sức lực chủ yếu đầu tư cho đi giảng vì so với nghiên cứu khoa học thì thù lao cho hoạt động này là tốt hơn.

Các quy định của trường Đại học Kinh tế Quốc dân: Theo kết quả khảo sát, điểm trung bình của các yếu tố liên quan đến quy định về nghiên cứu khoa học từ 2,98 đến 3,10. Như vậy mức độ hài lòng với các quy định về nghiên cứu khoa học của Nhà trường hiện nay của một số giảng viên trẻ mới chỉ ở mức trung bình khá.

Điều kiện nghiên cứu khoa học: Toàn trường hiện có 2.470 máy tính, toàn bộ máy tính đều được nối mạng internet, nhà trường đã tiến hành khai thác mạng LAN (mạng thông tin nội bộ) đến từng đơn vị trong toàn trường, với khả năng truy cập internet tốc độ cao đã giúp cho việc tra cứu thông tin trong nước và quốc tế dễ dàng hơn. Trường còn xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ cho hoạt động giảng dạy và đặc biệt là nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã mua những cơ sở dữ liệu điện tử như Scencedirect, Emerald, ProQuest, J.Ross, World Scientific với hàng nghìn luận án, luận văn, sách, tạp chí... trên thế giới về lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh để phục vụ công tác nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng viên Nhà trường. Hiện tại thư viện trường có trên 110.000 đầu cuốn trong đó sách và tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài là 12.017 cuốn. Số lượng báo, tạp chí là 211 loại, số luận văn thạc sỹ và luận án tiến sỹ được cập nhật qua từng năm. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 20,7% giảng viên trẻ không hài lòng về tài liệu phục vụ cho nghiên cứu khoa học của thư viện trường; 21,8% giảng viên trẻ không hài lòng về sự cập nhật

tài liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử của trường; 31,0% giảng viên trẻ không hài lòng về sự kết nối giữa hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử của trường với các trường Đại học và cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước. Kết quả trên cũng phần nào phản ánh thực trạng của hệ thống thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học của trường chưa đáp ứng được nhu cầu của giảng viên trẻ hiện nay.

Các mối quan hệ và sự hỗ trợ của đồng nghiệp: Sự hỗ trợ của giảng viên trẻ và giảng viên có thâm niên, kinh nghiệm, uy tín trong Nhà trường được đánh giá là tương đối tốt. Trong khi đó, vai trò của Bộ môn trong việc định hướng, tạo điều kiện tham gia cũng như tổ chức quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học còn chưa cao. Qua khảo sát sự phân công, sắp xếp giữa nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với các nhiệm vụ khác của giảng viên trẻ cho thấy sự chưa hợp lý và gần như các đơn vị mới chỉ chú trọng đến nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên trẻ, có đến 20,73% trả lời rất không hài lòng; 25,29% trả lời không hài lòng; 34,48% trả lời ở mức độ bình thường; trong khi chỉ có 19,5% trả lời hài lòng và không ai trả lời là rất hài lòng.

3.3.2. Thực trạng công cụ tạo động lực theo nhóm yếu tố thúc đẩy:

Tạo cơ hội thăng tiến: Kết quả điều tra cho thấy, trong số những người được hỏi, 69,1% giảng viên trẻ rất hài lòng và hài lòng với cơ hội nâng cao học hàm, học vị; 25,6% trả lời ở mức độ bình thường, và chỉ có 5,3% trả lời không hài lòng và rất không hài lòng với cơ hội nâng cao học vị của mình qua việc tham gia nghiên cứu khoa học.

Bản thân công việc nghiên cứu khoa học: Có đến 13,8% trả lời không hài lòng và 3,4% trả lời rất không hài lòng về sự phù hợp giữa lĩnh vực nghiên cứu với năng lực, sở trường của giảng viên trẻ. Có đến 20,7% trả lời không hài lòng và 5,7% trả lời rất không hài lòng về tính thú vị, hấp dẫn của các hoạt động nghiên cứu khoa học mà họ được tham gia.

Cơ hội đào tạo phát triển: Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn tỷ lệ tương đối giảng viên trẻ chưa hài lòng về thời gian (8%) và nội dung của các lớp bồi dưỡng (6,9%) và chỉ có 2,3% trả lời không hài lòng việc được tạo điều kiện tham gia các khóa học.

Sự công nhận, khen thưởng, tôn vinh: Theo kết quả khảo sát, phần lớn giảng viên trẻ hài lòng với các yếu tố thuộc nhóm công nhận, khen thưởng, tôn vinh. Chỉ có yếu tố giá trị của các phần thưởng có

11,5% ý kiến rất không hài lòng; 23,0% ý kiến không hài lòng.

3.4. Đánh giá chung

3.4.1. Điểm mạnh của các công cụ tạo động lực

Một là, trong giai đoạn 2011-2013, Nhà trường luôn cố gắng tăng mức kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, mức bình quân kinh phí/giảng viên của Đại học Kinh tế Quốc dân các năm đều tăng.

Hai là, các quy định, quy chế về nghiên cứu khoa học từng bước được hoàn thiện. Nhà trường đã xây dựng và xuất bản lưu hành nội bộ cuốn “Bộ quy định về tổ chức và quản lý trường Đại học Kinh tế Quốc dân” trong đó có hệ thống các văn bản về quản lý khoa học và hợp tác quốc tế; năm 2011 cũng là năm đầu tiên Nhà trường áp dụng quy định giờ nghiên cứu khoa học định mức đối với cán bộ giảng viên trong trường,... Những quy định và quy chế đã tạo hành lang pháp lý để thúc đẩy giảng viên tham gia tích cực hơn vào hoạt động nghiên cứu khoa học.

Ba là, điều kiện nghiên cứu khoa học từng bước được đầu tư. Nhà trường đã đầu tư hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử với hàng nghìn luận văn, luận án,... của các trường đại học hàng đầu thế giới và hệ thống tài liệu trên thư viện thường xuyên được bổ sung và cập nhật trong từng năm nhằm phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

Bốn là, mối quan hệ và sự hỗ trợ giảng viên trẻ đã được quan tâm hơn. Nhà trường đã thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu nhằm đẩy mạnh liên kết giữa các thế hệ giảng viên có thâm niên kinh nghiệm với giảng viên trẻ.

Năm là, cơ hội thăng tiến, nâng cao học hàm học vị của giảng viên trẻ luôn được chú trọng. Trường luôn tạo điều kiện để các giảng viên trẻ có cơ hội nâng cao học hàm, học vị từ đó có cơ hội được đề bạt nắm giữ những chức vụ cao trong quản lý đồng thời cũng đã chú ý quan tâm phát hiện và tìm ra những giảng viên trẻ có tài năng nghiên cứu khoa học tốt để tham gia vào các đề tài lớn nhằm bồi dưỡng thành lớp người kế cận trong nghiên cứu khoa học.

Sáu là, trường đã từng bước thực hiện các biện pháp nhằm tạo điều kiện cho giảng viên trẻ có cơ hội tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học như: tăng số lượng đề tài cấp Trường (trong đó ưu tiên các giảng viên trẻ đang là nghiên cứu sinh và học viên cao học), hỗ trợ kinh phí cho giảng viên trẻ được báo cáo chuyên đề, hỗ trợ sinh hoạt khoa học

bộ môn, khuyến khích các giảng viên trẻ báo cáo các nghiên cứu tại buổi sinh hoạt khoa học bộ môn.

Bảy là, nhà trường luôn tạo điều kiện về mọi mặt cho giảng viên trẻ tham gia các khóa học nâng cao trình độ về mọi mặt. Số lượng lớp học bồi dưỡng về các kỹ năng, đặc biệt về phương pháp nghiên cứu khoa học luôn tăng trong giai đoạn 2011-2013 đã thu hút được sự tham gia của rất nhiều giảng viên trẻ.

Tám là, trong giai đoạn 2011-2013 lãnh đạo nhà trường đã đặc biệt quan tâm đến việc khen thưởng, tôn vinh và động viên những giảng viên có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học như giải thưởng cho giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đoạt giải, giải thưởng tài năng nghiên cứu khoa học dành cho giảng viên trẻ và đặc biệt là chính sách hỗ trợ kinh phí cho giảng viên có công trình được đăng tải trên các tạp chí quốc tế có uy tín,...

3.4.2. Điểm yếu của các công cụ tạo động lực

Thứ nhất, tuy kinh phí dành cho hoạt động Khoa học công nghệ hàng năm đều tăng nhưng với lượng kinh phí sự nghiệp khoa học như trên thì tính bình quân cho một cán bộ giảng viên là rất hạn chế. Nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học hiện nay chủ yếu là từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp và nguồn kinh phí tự có của các trường đại học. Chưa huy động được nhiều sự tài trợ kinh phí từ các Quỹ hoặc từ doanh nghiệp,...

Thứ hai, Các quy định, quy chế về nghiên cứu khoa học còn chưa đầy đủ. Các chế tài áp dụng cho những giảng viên không hoàn thành định mức nghiên cứu khoa học chưa thực sự được thực hiện chặt chẽ, đủ mạnh.

Thứ ba, Trung tâm Thông tin, tư liệu - Thư viện hiện nay chủ yếu để phục vụ sinh viên, học viên chứ chưa đủ tài liệu cập nhật thường xuyên phục vụ giảng viên đặc biệt trong công tác nghiên cứu. Mặc dù Nhà trường đã rất tốn kém để đầu tư hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử nhưng thực tế cho thấy, để truy cập vào các cơ sở dữ liệu này đòi hỏi giảng viên phải được cấp tên người dùng và mật khẩu hoặc phải truy cập từ hệ thống mạng internet của trường, và không ít giảng viên không cập nhật được thông tin vì lý do đó.

Thứ tư, vai trò của các đơn vị quản lý trực tiếp giảng viên trẻ (bộ môn) trong việc định hướng, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ trong đơn vị mình còn mờ nhạt. Sự chủ động có phần hạn chế của đơn vị trong việc tổ chức

hội thảo khoa học Khoa/Bộ môn, đặc biệt trong hợp tác nghiên cứu khoa học, đầu thầu nghiên cứu khoa học các cấp vì thế cơ hội tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ cũng hạn chế. Mặt khác, cơ chế hướng dẫn, kèm cặp giảng viên trẻ cũng chưa rõ ràng cho nên rất khó khăn cho giảng viên trẻ trong việc phát hiện thế mạnh và định hướng nghiên cứu chuyên sâu. Sự phân công, sắp xếp giữa nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với các nhiệm vụ khác của giảng viên trẻ chưa hợp lý và gần như chỉ chú trọng đến nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên trẻ.

Thứ năm, các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ thường do các nhà khoa học, các giảng viên có học hàm, học vị cao đảm nhận và các giảng viên trẻ là những người tham gia nghiên cứu. Tuy nhiên số này là không nhiều. Mặc dù Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho giảng viên trẻ viết báo cáo chuyên đề, sinh hoạt khoa học bộ môn, khuyến khích các giảng viên trẻ báo cáo các nghiên cứu tại buổi sinh hoạt khoa học bộ môn nhưng những việc làm này chưa được thực hiện không liên tục, đều đặn.

Thứ sáu, còn một tỷ lệ không nhỏ giảng viên trẻ chưa được tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ. Đặc biệt là đào tạo chuyên sâu về chuyên môn và phương pháp nghiên cứu khoa học.

Thứ bảy, việc khen thưởng mới dừng lại ở việc tặng giấy khen, bằng khen. Không chỉ giá trị vật chất phần thưởng chưa đủ lớn mà công tác tuyên truyền chưa được phủ rộng trên phạm vi toàn trường.

4. Một số đề xuất nhằm tăng cường động lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

(1) Xúc tiến thành lập Quỹ phát triển Đại học Kinh tế Quốc dân có tư cách pháp nhân để vận động các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế cho các hoạt động nghiên cứu khoa học. Nhà trường cần tăng cường kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học, đặc biệt là đối với giảng viên trẻ.

(2) Hoàn thiện phần mềm quản lý khoa học theo các hướng: Cơ sở dữ liệu về các đề tài khoa học được xây dựng nhằm quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học của các cán bộ giảng viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân, cho phép cập nhật các đề tài, công trình được nghiên cứu; Cơ sở dữ liệu về cán bộ nghiên cứu khoa học cần được xây dựng cụ thể để cung cấp các thông tin cập nhật nhất về năng lực nghiên cứu chuyên môn của mỗi giảng viên và đồng

thời cho phép cập nhật các công trình của từng cá nhân; Cơ sở dữ liệu về các văn bản quản lý cần được công bố một cách công khai và thuận tiện cho việc tra cứu. Về hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử hiện tại của trường việc truy cập và tải tài liệu hiện nay là tương đối khó khăn, nên chăng Nhà trường có thể cấp tên người dùng và mật khẩu cho giảng viên trong trường để thuận tiện cho việc truy cập phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. Mặt khác, trường nên có những số báo hoặc tạp chí dành riêng cho giảng viên trẻ để họ có thể chủ động và có nhiều cơ hội hơn để phổ biến các công trình nghiên cứu của mình. Đây sẽ trở thành diễn đàn trao đổi học thuật của các giảng viên trẻ trong trường. Từ những bài viết đó giảng viên trẻ sẽ tạo được thói quen viết báo, dần tích lũy được kinh nghiệm viết bài và kỹ năng phổ biến những công trình nghiên cứu của mình trên những tạp chí có uy tín hơn. Tác dụng mạnh hơn là nó sẽ tạo được một bầu không khí nghiên cứu trong đội ngũ giảng viên trẻ của nhà trường.

(3) Cần có các qui định và chế tài khen thưởng, kỷ luật rõ ràng về hoạt động nghiên cứu khoa học cho cá nhân các giảng viên và các đơn vị. Trong điều kiện mà tính tự nguyện nghiên cứu khoa học ở các giảng viên chưa cao thì những quy định mang tính bắt buộc của bộ môn, của Viện/Khoa, của trường là cần thiết và có tác dụng thúc đẩy giảng viên nghiên cứu khoa học. Quy định giờ giảng tối đa đối với giảng viên trẻ; đồng thời cho phép chuyển đổi giờ nghiên cứu khoa học sang giờ định mức giảng dạy theo một tỷ lệ nhất định. Việc hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của mỗi giảng viên sẽ lấy làm một trong những căn cứ để xét danh hiệu thi đua hàng năm.

(4) Tổ chức, sắp xếp phân công nhiệm vụ hợp lý cho các giảng viên trẻ trong bộ môn. Bộ môn nên phân công các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, công tác sinh viên và hoạt động văn hóa, văn thể cho giảng viên trẻ một cách hợp lý. Thực hiện cải tiến công tác hướng dẫn giảng viên trẻ, giao nhiệm vụ hoặc đặt ra tiêu chí cụ thể đối với giảng viên chính, tiến sĩ, pho giáo sư, giáo sư phải hướng dẫn giảng viên trẻ trong chuyên môn của mình theo hướng chất lượng hiệu quả, thiết thực.

(5) Khuyến khích giảng viên trẻ mạnh dạn làm chủ các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường bằng cách tăng số lượng đề tài và ưu tiên hơn nữa cho các giảng viên trẻ. Tiếp tục phát hiện và huy động các

giảng viên trẻ tham gia nghiên cứu vào các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ cùng các nhà khoa học, các giảng viên có học hàm, học vị cao đảm nhận. Thực hiện và đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ kinh phí cho giảng viên trẻ viết báo cáo chuyên đề, sinh hoạt khoa học bộ môn, khuyến khích các giảng viên trẻ báo cáo các nghiên cứu tại buổi sinh hoạt khoa học bộ môn.

(6) Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên trẻ. Nhà trường tiếp tục tạo cơ hội cho giảng viên trẻ đi học tập, nghiên cứu ở những trường đại học lớn, những cơ sở nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu cho giảng

viên trẻ, tổ chức các buổi tọa đàm để các nhà khoa học đầu ngành, các giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học cho các giảng viên trẻ. Khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, kết nối nghiên cứu khoa học giữa thế hệ trẻ và các thế hệ lão thành của Đại học Kinh tế Quốc dân.

(8) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, ghi nhận và tôn vinh các giảng viên trẻ, các đơn vị có thành tích tốt trong nghiên cứu khoa học trên phạm vi toàn trường. Việc tôn vinh các “tấm gương” về nghiên cứu khoa học không chỉ đem lại tác dụng động viên cho chính giảng viên và đơn vị đó mà còn tạo ra một văn hóa coi trọng nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. □

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Thông tư số 14/2014/TT-BGDĐT quy định xét tặng giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho giảng viên trẻ trong các cơ sở giáo dục đại học*, ban hành ngày 05 tháng 5 năm 2014.
- Chen, Y. (2006), ‘Factors that motivate Business Faculty to conduct research: An expectancy Theory Analysis’, *Journal of Education for Business*, 81(4), 179-189.
- Nguyễn Đình Lý (2010), ‘*Chính sách tạo động lực cho cán bộ công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An*’, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2013), *Danh sách giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*, Hà Nội.
- Nguyễn Thùy Trang (2011), ‘Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh’, Luận văn cao học, Đại học Bách Khoa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Vũ Thị Uyên (2007), ‘*Tạo động lực cho lao động quản lý doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội*’, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

Thông tin tác giả:

* **Trần Thị Kim Nhung**, thạc sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Địa chỉ Email: nhungtk.neu@gmail.com

** **Bùi Thị Hồng Việt**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Khoa học quản lý, trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước, Chính sách công

- Một số Tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, *Tạp chí Hợp tác và Phát triển*, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *Tạp chí Lý luận chính trị*.

- Địa chỉ Email: hongviet.neu@gmail.com

*** **Trịnh Mai Vân**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Phòng Quản lý Khoa học - Đại học Kinh tế quốc dân

- Địa chỉ Email: trinhmaivan@neu.edu.vn